

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ANI**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 0303255529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/03/2004, cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 04/06/2025.

Địa chỉ trụ sở chính: 14B Kỳ Đồng, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02862905659

Website: www.ani.vn

Phụ trách công bố thông tin:

- Họ tên: Đặng Tất Thành
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Điện thoại: 0886148148

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Thông tin chung về Công ty

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ANI
Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: ANI JOINT STOCK COMPANY
Tên Công ty viết tắt: CTY ANI
- Trụ sở chính: 14B Kỳ Đồng, Phường Nhiêu Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 02862905659 Website: www.ani.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303255529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/03/2004, cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 04/06/2025.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Tất Thành
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - + Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
 - + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

2.1 Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Sông Đà, tiền thân là Chi nhánh Tổng Công ty Sông Đà tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Tổng Công ty Sông Đà, được thành lập theo Quyết định số 234/BXD-TCLĐ ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là đại diện thường trực cho Tổng Công ty Sông Đà tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24/12/2003 Bộ Xây dựng ra Quyết định số 1716/QĐ-BXD chuyển Chi nhánh Tổng Công ty Sông Đà tại Thành phố Hồ Chí Minh thành Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Sông Đà.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 27/12/2006 với mã chứng khoán là SIC.

Ngày 28/06/2017 để đáp ứng các kế hoạch kinh doanh của đơn vị Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Sông Đà đã đổi tên thành Công ty cổ phần ANI cho đến nay.

Công ty không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng về cơ cấu cổ đông theo quy định tại khoản 1.a Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, tại văn bản số 906/CNVSD-ĐK.NV ngày 03/03/2023 và Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 122/2023-SIC/VSD-ĐK ngày 03/03/2023 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), Công ty Cổ phần ANI (Công ty/SIC) có số lượng cổ đông không phải là cổ đông lớn là 485 cổ đông, chiếm 9,48% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Ngày 21/07/2023, Công ty cổ phần ANI bị hủy bỏ niêm yết cổ phiếu bắt buộc theo quyết định số 624/QĐ-SGDHN ngày 23/06/2023 do tổ chức niêm yết hủy tư cách công ty đại chúng theo Công văn số 3502/UBCK-GSDC ngày 09/6/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, thuộc trường hợp bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, căn cứ Quyết định số 624/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2.2 Ngày Công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng: ngày 14/04/2025, Công ty Cổ phần ANI đáp ứng đủ điều kiện Công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều

32 Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

2.3 Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tại ngày công ty đáp ứng điều kiện công ty đại chúng:

- Vốn điều lệ: 239.992.700.000 đồng (*Hai trăm ba mươi chín tỷ chín trăm chín mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng*).
- Vốn chủ sở hữu:
 - + Vốn chủ sở hữu tại báo cáo tài chính riêng: 508.264.932.489 đồng (*Năm trăm lẻ tám tỷ, hai trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, bốn trăm tám mươi chín đồng*).
 - + Vốn chủ sở hữu tại báo cáo tài chính hợp nhất: 711.042.053.548 đồng (*Bảy trăm mười một tỷ, không trăm bốn mươi hai triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi tám đồng*).
- Số lượng cổ đông: 413 cổ đông (*căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 14/04/2025*).
- Cơ cấu cổ đông:
 - + Cổ đông lớn: 03 cổ đông, sở hữu 20.390.082 cổ phần chiếm tỷ lệ 84,961%.
 - + Cổ đông khác: 410 cổ đông, sở hữu số lượng 3.609.188 cổ phần, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ là: 15,039%.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

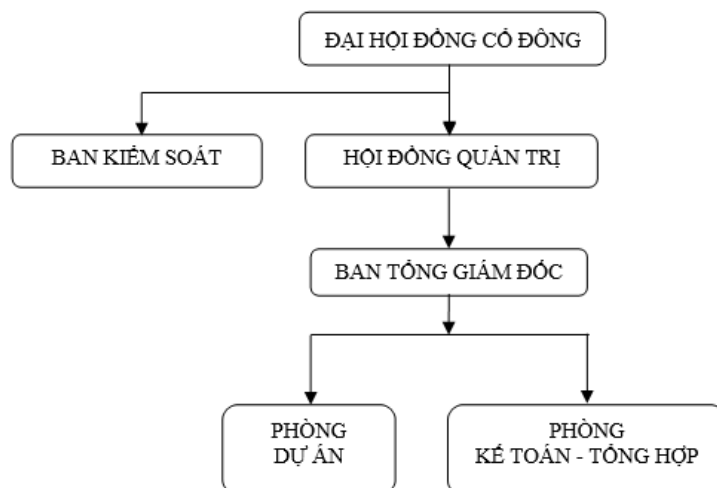
3.1 Công ty mẹ:

Công ty Cổ phần ANZA: sở hữu 17.598.193 cổ phần, chiếm 73,32%/ vốn điều lệ.

3.2 Các công ty con:

- (1) Công ty TNHH Đông Hồ Ba Giọt: tỷ lệ góp vốn 100% vốn điều lệ;
- (2) Công ty Cổ phần ANI Power: tỷ lệ góp vốn 99,8% vốn điều lệ;
- (3) Công ty TNHH TMDV Phú Vinh: tỷ lệ góp vốn 100% vốn điều lệ;
- (4) Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Phú Cường: tỷ lệ góp vốn 100% vốn điều lệ;
- (5) Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Thác Ba Giọt: tỷ lệ góp vốn 65% vốn điều lệ;
- (6) Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Đồng Nai: quyền biểu quyết 93,32%;
- (7) Công ty Cổ phần ANI Biên Hòa: tỷ lệ góp vốn 99,8% vốn điều lệ;
- (8) Công ty Cổ phần Thủy điện Đam Bri 1: tỷ lệ góp vốn 77% vốn điều lệ.
- (9) Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS, tỷ lệ góp vốn 40% (Công ty liên kết).

4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:



4.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

4.2 Hội đồng quản trị

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

4.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thay mặt cổ đông để kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

4.4 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có 02 thành viên, trong đó có Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

4.5 Các phòng chức năng

4.5.1 Phòng Kế toán - Tổng hợp: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh, tổ chức cán bộ, đào tạo bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chịu trách nhiệm thực hiện các công tác về lao động tiền lương, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, công tác bảo vệ - thanh tra pháp chế; Tham mưu giúp Tổng Giám đốc quản lý công tác kinh tế tài chính và hạch toán kế toán.

4.5.2 Phòng Dự án: Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc về công tác đầu tư; tham mưu cho lãnh đạo thực hiện công tác đấu thầu, nghiên cứu giá cả thị trường, tìm kiếm thị trường, tìm kiếm các dự án đầu tư; các công tác quản lý kỹ thuật; Công tác dự toán đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn các công trình, thiết bị của Công ty.

5. Giới thiệu về quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Từ khi thành lập đến nay, Công ty có quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ như sau:

Thời điểm (tháng/năm)	Vốn điều lệ sau khi tăng	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm	Hình thức tăng	Cơ sở pháp lý
22/03/2004	10 tỷ đồng	10 tỷ đồng	Đăng ký lần đầu	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103002194 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22/03/2004
24/04/2005	15 tỷ đồng	05 tỷ đồng	Tăng vốn	Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02 CT/HĐQT ngày 26/02/2005 về việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103002194 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 1 ngày 24/04/2005
23/02/2006	22 tỷ đồng	07 tỷ đồng	Tăng vốn	Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 07 CT/HĐQT ngày 23/11/2005 về việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103002194 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 2 ngày 23/02/2006
27/12/2007	50 tỷ đồng	28 tỷ đồng	Tăng vốn	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103002194 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 4 ngày 27/12/2007

Thời điểm (tháng/năm)	Vốn điều lệ sau khi tăng	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm	Hình thức tăng	Cơ sở pháp lý
06/12/2010	80 tỷ đồng	30 tỷ đồng	Tăng vốn	<p>Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 17/HĐQT ngày 26/07/2010 về việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303255529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 6 ngày 06/12/2010</p> <p><i>Theo khoản 1 Điều 8 tại Nghị định 43/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010 “Mỗi doanh nghiệp được cấp một mã số duy nhất gọi là mã số doanh nghiệp. Mã số này đồng thời là mã số đăng ký kinh doanh và mã số thuế của doanh nghiệp.”</i>, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi và được Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 07/05/2010, với mã số doanh nghiệp mới: 0303255529</p>
08/11/2016	159.997.150.000 đồng	79.997.150.000 đồng	Tăng vốn	<p>Theo Nghị quyết của hội đồng Quản trị số 16/NQ-HĐQT ngày 18/7/2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303255529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 12 ngày 08/11/2016</p>
10/05/2018	199.994.910.000 đồng	39.997.760.000 đồng	Tăng vốn	<p>Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/01/2018; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303255529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 15 ngày 10/05/2018</p>
07/06/2019	239.992.700.000 đồng	39.997.790.000 đồng	Tăng vốn	<p>Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/03/2019 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2019/NQ-HĐQT ngày 02/04/2019; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303255529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 16 ngày 07/06/2019</p>

Thời điểm (tháng/năm)	Vốn điều lệ sau khi tăng	Giá trị vốn điều lệ tăng thêm	Hình thức tăng	Cơ sở pháp lý
Vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký công ty đại chúng	239.992.700.000 đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 0303255529 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần 18 ngày 04/06/2025			
08/04/2023	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ			
06/04/2024	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ			
05/04/2025	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ			

6. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất

6.1 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Trong nước			
1.1	Nhà nước	0	0	0 %
1.2	Tổ chức	15	20.456.764	85,239%
1.3	Cá nhân	372	3.511.312	14,631%
2	Nước ngoài			
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0 %
2.2	Cá nhân, tổ chức	26	31.194	0,13%
	Tổng cộng	413	23.999.270	100%
II	Cổ đông lớn, cổ đông khác			
1	Cổ đông lớn	03	20.390.082	84,961%
2	Cổ đông khác	410	3.609.188	15,039%
	Tổng cộng	413	23.999.270	100%

6.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty

Stt	Cổ đông	Quốc tịch	Địa chỉ	Giấy tờ pháp lý		Tổng số cổ phiếu nắm giữ		
				Số giấy tờ	Ngày cấp	Số lượng	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ (%)
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ANZA	Việt Nam	Số 5 Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	0106444478	24/02/2025	17.598.193	175.981.930	73,328%
2	CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG BAN MÊ	Việt Nam	Số 12 đường Giáp Hải, Phường Thắng Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	6001554971	12/12/2024	1.523.622	15.236.220	6,348%
3	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MYA	Việt Nam	382 Dương Quang Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Hồ Chí Minh	0315136195	17/05/2021	1.268.267	12.682.670	5,285%
TỔNG CỘNG						20.390.082	203.900.820	84,961%

6.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Đến thời điểm hiện tại, toàn bộ cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng và được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

7. Hoạt động kinh doanh

Hiện nay, Công ty hoạt động chủ yếu trong 03 mảng kinh doanh chính bao gồm: đầu tư kinh doanh các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Đầu tư, kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị; Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi, buro điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình cấp thoát nước, công trình đường dây và trạm biến thế.

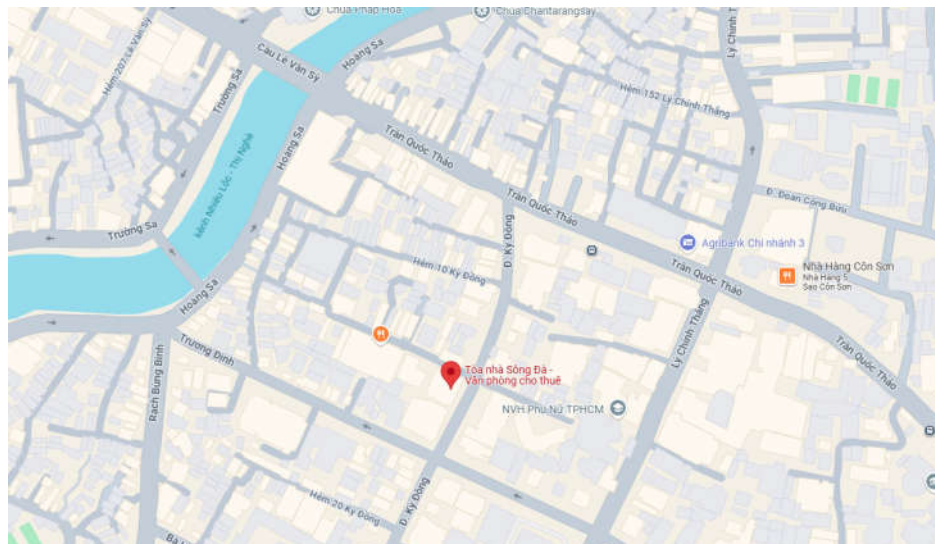
Tại báo cáo Công ty mẹ, doanh thu thuần chủ yếu từ bán hàng, kinh doanh bất động sản cho thuê, thi công xây dựng năm 2023 đạt 123,6 tỷ đồng chiếm 97,64 %, năm 2024 đạt 23,23 tỷ đồng chiếm 91,68% và 6 tháng đầu năm 2025 đạt 1,88 tỷ đồng chiếm 59,48%.

Tại báo cáo hợp nhất, doanh thu thuần chủ yếu từ bán điện thương phẩm, bán hàng, kinh doanh bất động sản cho thuê, thi công xây dựng năm 2023 đạt 381,2 tỷ đồng chiếm 99,04%, năm 2024 đạt 542,08 tỷ đồng chiếm 99,38% và 6 tháng đầu năm 2025 đạt 183,8 tỷ đồng chiếm 97,74 %.

Hình ảnh 1: Trụ sở Công ty cổ phần ANI



Hình ảnh 2: Bản đồ vị trí Công ty Cổ phần ANI



8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

8.1 Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 02 năm và 06 tháng đầu năm 2025

Đơn vị tính: đồng

Các Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	06 tháng đầu năm 2025
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	384.958.497.013	545.488.296.925	188.053.202.802
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	44.852.000	8.332.297	117.360.122
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	384.913.645.013	545.479.964.628	187.935.842.680
4. Giá vốn hàng bán	191.331.276.183	210.383.693.330	102.436.258.035
5. Doanh thu hoạt động tài chính	7.242.267.703	37.114.118.256	13.660.874.923
6. Chi phí tài chính	67.866.328.114	149.238.642.781	83.397.949.788
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.107.085.020	19.234.823.966	9.823.480.662
8. Lợi nhuận trước thuế	114.102.351.038	206.924.350.547	5.798.893.643
9. Lợi nhuận sau thuế TNDN	111.594.122.162	204.970.271.154	4.160.415.232

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán các năm 2023, 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty Cổ phần ANI.

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

8.2.1 Thuận lợi:

Giai đoạn 2021 - 2024, dù chịu ảnh hưởng dịch Covid-19, Công ty vẫn hoàn thành đầu tư xây dựng và đưa Nhà máy thủy điện vào vận hành đúng tiến độ, đảm bảo doanh thu, lợi nhuận; đồng thời duy trì nguồn thu ổn định từ các hợp đồng cho thuê văn phòng dài hạn.

8.2.2 Khó khăn:

Trong khuôn khổ pháp luật, một số thủ tục pháp lý trong ngành xây dựng của nhà nước còn đang gặp rất nhiều khó khăn do phải chờ các chính sách pháp luật mới ban hành, Nhà nước cần chú trọng hơn đối với tín dụng vào ngành bất động sản, đồng thời thị trường cho thuê bất động sản từ cuối năm 2024 đến nửa đầu năm 2025 cũng đang gặp rất nhiều khó khăn do kinh tế càng ngày càng bị suy thoái cao, một số doanh nghiệp phải thu hẹp dần mô hình kinh doanh nên số lượng mặt bằng khách hàng thuê bị trả hoặc giảm diện tích thuê.

8.3.3 Các rủi ro:

a. Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá

cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, nợ và tiền.

b. Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

c. Rủi ro tín dụng:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

9. Vị thế của công ty trong ngành

9.1 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

9.1.1 Trong lĩnh vực kinh doanh khai thác điện:

Công ty đã có kinh nghiệm thực hiện nhiều dự án thủy điện lớn như: Dự án Thủy điện Krông K'mar, Dự án Thủy điện Đamb'ri, thủy điện Phú Tân 2.

9.1.2 Trong kinh doanh bất động sản:

Công ty có kinh nghiệm đầu tư các dự án bất động sản lớn có tên tuổi trên thị trường bất động sản như: Dự án 14B - Kỳ Đồng, Khu dân cư Hiệp Bình Chánh - Thủ Đức, Dự án chung cư Phú Mỹ - thị xã Bà Rịa Vũng Tàu, Dự án Sông Đà IDC TOWER - Gò Vấp, Khu du lịch sinh thái Thác Ba Giọt – huyện Định Quán.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

9.2.1 Về ngành thủy điện:

Thị trường điện 06 tháng đầu năm 2025 ghi nhận tăng trưởng mạnh nhờ sản lượng tiêu thụ điện cao vượt trội so với tốc độ tăng công suất hệ thống. Điều kiện thủy văn thuận lợi, với lượng mưa vượt mức trung bình nhiều năm, hỗ trợ tích cực cho hoạt động của các nhà máy thủy điện. So với cùng kỳ năm trước bị ảnh hưởng nặng bởi El Nino, kết quả kinh doanh ngành thủy điện trong nửa đầu năm 2025 dự kiến tăng trưởng mạnh mẽ.

Bước sang nửa cuối năm, triển vọng ngành tiếp tục tích cực khi nguy cơ El Nino tái diễn đã giảm đáng kể. Tuy nhiên, do nền so sánh cao, tăng trưởng kết quả kinh doanh sẽ chậm lại so với 06 tháng đầu năm.

Theo Bộ Công Thương, nhu cầu điện năm 2025 dự báo tăng 10,5–14,3% so với 2024, nhờ mục tiêu tăng trưởng GDP 8% và kỳ vọng phục hồi kinh tế giai đoạn 2026–2030. Trong khi đó, nguồn cung chỉ tăng khoảng 7,8%, đạt công suất lắp đặt 94,2 GW. Miền Bắc đối mặt rủi ro thiếu điện khi phụ tải đỉnh dự kiến đạt 28,2 GW, trong khi công suất khả dụng chỉ khoảng 29 GW (tỷ lệ dự phòng 3–4%). Ngược lại, miền Nam vận hành ổn định hơn với mức dự phòng cao hơn.

Tình trạng cung không theo kịp cầu giúp các nhà máy thủy điện duy trì hoạt động ở công suất cao, tiếp tục ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực trong nửa cuối năm 2025.

9.2.2 Ngành bất động sản:

Trong 06 tháng đầu năm 2025, thị trường bất động sản ghi nhận mức tăng giá cục bộ 05 – 30% tại nhiều địa phương như Ninh Bình, Hà Nam, Hải Phòng, Bắc Giang... sau thông tin sáp nhập tỉnh, đặt cơ quan hành chính mới. Tuy nhiên, cơn "sốt" nhanh chóng hạ nhiệt; giá đất nền chững lại, thanh khoản thấp. Giới chuyên gia nhận định đây là xu hướng ngắn hạn, thiếu bền vững.

Dấu ấn đáng chú ý là loạt động thái tháo gỡ pháp lý từ Chính phủ, giúp củng cố niềm tin thị trường và hỗ trợ tăng nguồn cung, nhất là nhà ở xã hội.

Từ Quý II/2025, thị trường tại các khu vực từng "sốt" đã đi ngang hoặc giảm giá. Dự báo nửa cuối năm, thị trường sẽ sôi động hơn nhờ nguồn cung được khơi thông, nhưng khó xảy ra "sốt giá" do thông tin quy hoạch, sáp nhập đã phản ánh vào giá và mặt bằng giá hiện tại đã vượt quá khả năng chi trả của phần lớn người mua.

9.2.3 Ngành cho thuê văn phòng

Năm 2025, thị trường văn phòng đón nhận thêm nhiều nguồn cung mới, gia tăng cạnh tranh giữa các chủ đầu tư. Khách thuê được hưởng lợi nhờ đa dạng lựa chọn và chính sách ưu đãi, nhưng tỷ lệ lấp đầy toàn thị trường có thể giảm.

Ngành công nghệ thông tin và sản xuất tiếp tục dẫn đầu về nhu cầu thuê diện tích lớn. Từ 2025 - 2026, nhóm tư vấn tài chính, pháp lý, phân phối và giáo dục sẽ gia tăng giao dịch, thúc đẩy thị trường.

Tình trạng cung vượt cầu có thể kéo dài đến năm 2026, buộc chủ đầu tư phải linh hoạt trong chiến lược cho thuê, hỗ trợ nội thất, hoặc hợp tác với đơn vị vận hành coworking space để gia tăng tiện ích.

Tiêu chuẩn xanh (Green Building) dần trở thành yêu cầu mặc định với các tòa nhà hạng A. Các tiện ích như khu ăn uống, gym, không gian xanh... đang được bổ sung nhằm giữ chân khách thuê trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt và yêu cầu ESG ngày càng cao.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng người lao động trong công ty:

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 30/06/2025 là 25 người với cơ cấu phân theo trình độ chuyên môn được thể hiện như sau:

Bảng 1: Cơ cấu lao động Công ty

Stt	Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo giới tính	25	100%
1	Nam	14	56%
2	Nữ	11	44%
II	Phân theo trình độ chuyên môn	25	100%
1	Đại học và Trên đại học	21	84%
2	Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp, lái xe	04	16%

10.2. Chính sách việc làm, lương thưởng, trợ cấp, đào tạo,...

10.2.1 Chế độ làm việc:

Giải quyết đầy đủ các chế độ, chính sách, quyền lợi theo quy định của nhà nước như: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm Tai nạn - Thất nghiệp, Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động,...

Chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động: hàng năm Công đoàn Công ty phối hợp với Đoàn thanh niên đã tổ chức các hoạt động vui chơi thể thao cho người lao động, tổ chức đi du lịch hàng năm. Đồng thời tại điều kiện tốt nhất để người lao động được nghỉ ngơi đầy đủ tại các ngày lễ quy định của Nhà nước

10.2.2 Lương, thưởng, phúc lợi:

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2024 là: 18,3 triệu đồng/ người/ năm. Đây là mức thu nhập được xếp vào hạng trung bình đối với đặc thù kinh doanh và địa bàn kinh doanh tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành phía Nam.

10.2.3 Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Công ty đã xây dựng và ban hành đầy đủ kịp thời các quy chế, quy định liên quan đến việc tuyển dụng lao động, lương thưởng..., Cán bộ nhân viên công ty được bồi dưỡng nghiệp vụ thường xuyên bằng các khóa ngắn ngày để cập nhật tốt kiến thức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ tốt cho công việc được giao.

11. Chính sách cổ tức:

Trong năm 2025, Công ty cổ phần ANI đã tiến hành chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt là 05% (năm phần trăm) từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Bảng 1: Tỷ lệ cổ tức qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Kế hoạch năm 2025
Tỷ lệ chi trả cổ tức/mệnh giá (%)	10%	5%	10%

12. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và kỳ gần nhất:

12.1. Các khoản phải thu:

12.1.1 Các khoản phải thu ngắn hạn:

a. Phải thu ngắn hạn khách hàng:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Xí nghiệp Hà Châu 2	1.087.150.000	1.087.150.000	1.087.150.000
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Xây dựng K&N	1.169.682.233	1.169.682.233	1.169.682.233
Công ty CP Xây dựng S55	68.448.205.354	0	10.642.427.400
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH	6.210.449.585	0	0
Công ty Mua bán Điện (EVN)	152.384.282.261	150.740.202.876	104.831.853.727
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	0	5.847.178.074	5.864.073.656
Các đối tượng khác	34.243.855.532	33.451.745.748	34.880.123.738
Tổng	263.543.624.965	192.295.958.931	158.475.310.754

b. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Zhejiang Jinlun Electromechanic Co.,Ltd	0	2.289.600.000	0
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Khởi Phát	0	700.000.000	0
Công ty TNHH Cao Ngàn Điệp	926.208.582	0	0
Công ty CP Sông Đà 207	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thúy Ngọc	1.063.120.000	736.500.000	0
Các đối tượng khác	5.059.188.619	3.318.296.402	4.296.015.460
Tổng	8.348.517.201	8.344.396.402	5.596.015.460

c. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	1.475.482.593	0	0
Công ty CP Đầu tư Phát triển Đam B'ri	0	0	3.866.000.000
Tổng	1.475.482.593	0	3.866.000.000

d. Phải thu ngắn hạn khác*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Tạm ứng	108.090.892.983	147.084.371.112	182.395.661.437
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	0	393.530	0
Ông Doãn Anh Linh	5.589.917.763	5.589.917.763	5.589.917.763
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Xây dựng K&N	4.315.750.622	4.315.750.622	4.315.750.622
Ông Đoàn Anh Tuấn	1.601.871.300	0	0
Ông Đặng Tất Thành			390.280.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Năng lượng Thanh Sơn	0	36.500.000.000	0
Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm, cho vay	556.579.291	4.527.404.876	10.021.174.683
Ký cược, ký quỹ	58.330.005	40.000.000	70.134.109
Phải thu khác	1.921.363.905	1.455.456.427	3.300.853.010
Tổng	122.134.705.869	199.513.294.330	595.973.491.624

Trong đó, phải thu ngắn hạn khác (BCTC riêng):

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Tạm ứng	10.400.276.362	17.484.172.869	22.279.243.413
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	0	393.530	0
Ông Doãn Anh Linh	5.589.917.763	5.589.917.763	5.589.917.763
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Xây dựng K&N	4.315.750.622	4.315.750.622	4.315.750.622
Ông Đoàn Anh Tuấn	1.601.871.300	0	0
Công ty CP Đầu tư Phát triển Năng lượng Thanh Sơn	36.500.000.000	36.500.000.000	0
Cổ tức phải thu		1.313.000.000	
Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm, cho vay	328.431.802	4.500.801.724	10.116.674.997
Ký cược, ký quỹ	30.000.000	40.000.000	40.000.000
Phải thu khác	1.409.715.220	735.081.051	770.255.050
Tổng	23.675.963.069	70.479.117.559	43.111.841.845

e. Phải thu về cho vay dài hạn

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Công ty CP Đầu tư Anzen	0	201.200.000.000	201.000.000.000
Tổng	0	201.200.000.000	201.000.000.000

f. Phải thu dài hạn khác*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Công ty CP Đầu tư Năng lượng Đồng Nai	0	30.567.590.220	0
Tổng	0	30.567.590.220	0

12.2. Các khoản phải thu khách hàng quá hạn:*Đơn vị tính: đồng*

Đối tượng	Giá trị	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Xí nghiệp Hà Châu 2	1.087.150.000	Trên 3 năm	Tồn đọng từ nhiều năm, không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Xây dựng K&N	1.169.682.234		
Xí nghiệp Sông Đà 3.02	226.849.464		
Trần Đức Lợi	278.782.400		
Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà	115.170.455		
Các đối tượng khác	488.672.667		
Tổng	3.366.307.220		

12.2.1 Các khoản phải trả ngắn hạn:**a. Phải trả người bán ngắn hạn:***Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Zhejiang Jinlun Electromechanic Co.,Ltd	54.019.830.168	13.849.110.999	14.259.547.293
Công ty CP Xây dựng S55	317.325.084.500	0	0
Công ty CP Sông Đà 505	1.925.933.867	0	0
Công ty CP Đầu tư Phát triển Đam B'ri	0	0	42.544.000.000
Các đối tượng khác	30.352.321.403	10.198.544.076	6.507.669.429
Tổng	403.623.169.938	24.047.655.075	63.311.216.722

b. Người mua trả tiền trước ngắn hạn:*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Đo đạc Đại Thành	651.406.040	0	
Công ty TNHH XD TM Thanh Sơn Phát	0	500.000.000	500.000.000
Các đối tượng khác	106.116.801	205.017.354	464.450.466
Tổng	757.522.841	705.017.354	964.450.466

c. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước:*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Thuế giá trị gia tăng	857.852.934	639.380.414	4.953.261.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.632.862.993	501.146.405	1.216.642.150
Thuế thu nhập cá nhân	43.148.539	23.028.898	31.623.148
Thuế tài nguyên	2.291.175.388	2.237.869.857	5.449.240.930
Phí và lệ phí	0	0	2.360.168.000
Các loại thuế khác	1.239.348.325	1.239.348.325	1.239.348.325
Tổng	7.064.388.179	4.640.773.899	15.250.284.121

d. Phải trả người lao động:*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Khoản phải trả người lao động	1.453.960.772	905.431.371	323.085.724
Tổng	1.453.960.772	905.431.371	323.085.724

e. Chi phí phải trả ngắn hạn:*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Trích trước chi phí đầu tư Nhà máy Thủy điện Phú Tân 2	378.625.237.934	75.452.369.706	58.414.576.681
<i>Chi phí đền bù, GPMB</i>	69.392.888.206	69.266.045.757	56.311.409.378
<i>Chi phí xây dựng</i>	225.867.564.890	0	0
<i>Chi phí thiết bị</i>	56.790.544.259	3.250.981.155	0
<i>Chi phí lãi vay (Công ty CP Xây dựng S55)</i>	22.409.900.786	0	0
<i>Chi phí khác</i>	4.164.339.793	2.935.342.794	2.103.167.303
Chi phí Dự án Sông Đà Riverside	3.550.859.650	3.550.859.650	3.550.859.650

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Chi phí Dự án Osimi Phú Mỹ	1.689.750.071	1.582.250.071	1.582.250.071
Chi phí Dự án Khu du lịch Ba Giọt	7.400.690.658	2.875.091.611	2.051.520.605
Thù lao Hội đồng Quản trị	216.000.000	288.000.000	198.000.000
Trích trước lãi tiền nhận trước của khách hàng	169.262.761	92.410.163	0
Trích trước lãi vay	28.089.773.082	42.733.015.360	53.356.439.343
Các khoản trích trước khác	809.315.778	206.081.960	2.528.563.873
Tổng	420.550.890.934	126.780.078.521	121.682.210.223

f. Phải trả ngắn hạn khác:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Kinh phí công đoàn	6.840.000	1.380.000	5.500.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	6.449.567	0	42.450.000
Phí bảo vệ môi trường rừng	4.078.801.656	4.337.672.724	2.926.656.972
Dự án IDC Tower Gò Vấp	105.708.419	105.708.419	105.708.419
Tiền góp vốn của khách hàng Dự án Sông Đà Riverside	188.534.004	188.534.004	188.534.004
Dự án Osimi Phú Mỹ	1.788.664.810	1.698.490.522	1.720.008.986
Lệ phí làm sổ đỏ Dự án Hiệp Bình Chánh	270.681.200	270.681.200	270.681.200
Lãi vay phải trả	31.197.945	580.832.877	1.449.093.151
Cổ tức/chi phí sử dụng vốn phải trả	0	525.416.000	24.697.480.000
Phải trả về góp vốn	0	239.992.640.000	239.992.640.000
Phải trả khác	3.435.462.029	2.738.059.070	11.996.458.842
Tổng	9.912.339.630	250.439.414.816	283.395.211.574

- Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, trong thời gian từ 02/7/2024 đến 12/7/2024, Công ty đã nhận được số tiền góp vốn là: 239.992.640.000 đồng từ 22 cổ đông, cụ thể như sau:

+ Số tiền 30.551.860.000 đồng bằng tiền mặt/chuyển khoản, Công ty ghi nhận tăng khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác – phải trả về góp vốn”, tăng khoản mục “Tiền và tương đương tiền” trên báo cáo tài chính;

+ Số tiền 209.440.780.000 đồng bằng hình thức bù trừ công nợ, Công ty ghi nhận tăng khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác – phải trả về góp vốn”, giảm khoản mục “vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn”

- Ngày 25/09/2025, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua nghị quyết số 05/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/9/2025, về việc hủy bỏ phương án tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ, đồng thời hoàn trả toàn bộ số vốn góp cho cổ đông. Việc hoàn trả đã được thực hiện từ ngày 25/9/2025 và hoàn tất vào ngày 06/10/2025, toàn bộ các nghiệp

vụ hoàn trả cổ đông đã được hạch toán giảm khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác – phải trả về góp vốn”

g. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1. Vay ngắn hạn			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Trường Sơn	38.816.125.680	67.734.333.189	150.456.195.342
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn	32.403.741.257	0	0
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	0	0	52.081.362.896
Ông Đặng Quang Đạt	142.061.878.869	153.633.068.215	54.288.756.564
Bà Đinh Thị Thanh Bình	368.655.341.063	35.875.211.022	73.307.853.822
Ông Đặng Tất Thành	0	0	390.280.000.000
Công ty CP Xây dựng S55		18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS	0	0	500.000.000
Công ty TNHH MTV Ani SH		333.222.016	333.222.016
2. Vay dài hạn đến hạn trả:			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn	61.300.000.000	47.100.000.000	69.400.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đắk Lắk	5.528.000.000	5.528.000.000	5.528.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	0	14.100.000.000	15.100.000.000
Tổng	648.765.086.869	342.303.834.442	829.275.390.640

12.3. Các khoản phải trả dài hạn:

12.3.1 Khoản phải trả dài hạn khác:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	732.415.039	732.415.039	817.655.039
Công ty CP Anza	176.330.178.351	0	
Tổng	177.062.593.390	732.415.039	817.655.039

12.3.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn	947.798.306.488	1.729.099.395.133	1.822.655.395.133

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đắk Lắk	15.537.658.926	10.009.658.926	7.245.658.926
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai	0	255.900.000.000	241.900.000.000
Công ty CP Anza	0	128.557.165.362	94.557.165.362
Tổng	963.335.965.414	2.123.566.219.421	2.166.358.219.421

12.3.3 Cổ phiếu ưu đãi:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả	0	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng	0	10.000.000.000	10.000.000.000

- Kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất đến này không có sự kiện ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.

12.4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
1	Tổng tài sản	3.258.033.230.181	3.603.290.418.899	4.204.935.495.669
2	Nợ phải trả	2.634.759.293.112	2.886.214.721.868	3.493.893.442.121
3	Vốn chủ sở hữu	623.273.937.069	717.075.697.031	711.042.053.548
4	Doanh thu thuần	384.913.645.013	545.479.964.628	187.935.842.680
5	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	111.594.122.162	204.970.271.154	4.160.415.232

+ Các khoản đầu tư tài chính (BCTC riêng):

12.4.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Chứng khoán kinh doanh	0	0	0
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	54.710.000.000	160.010.000.000	228.010.000.000

12.4.2 Đầu tư tài chính dài hạn:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I	Đầu tư vào công ty con	860.480.510.000	763.156.610.780	1.443.040.103.931
1	Công ty CP ANI POWER	649.483.510.000	718.560.000.000	718.560.000.000

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
2	Công ty TNHH Đông Hồ Ba Giọt	3.150.000.000	3.150.000.000	3.150.000.000
3	Công ty CP ANI Biên Hòa	0	0	598.800.000.000
4	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phú Vinh	18.750.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
5	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Phú Cường	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
6	Công ty CP Đầu tư Năng lượng Đồng Nai	0	15.517.110.780	26.560.603.931
7	Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Thác Ba Giọt	0	929.500.000	929.500.000
8	Công ty CP Thủy điện ĐamBri 1	0	0	32.340.000.000
9	Công ty CP Đầu tư Phát triển Năng lượng Thanh Sơn	0	0	36.500.000.000
10	Công ty CP Thủy điện Sông Ông	174.097.000.000	0	0
II	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	0	0	1.200.000.000
1	Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS	0	0	1.200.000.000
III	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.150.000.000)	(3.510.185.649)	(5.619.366.951)
1	Công ty TNHH Đông Hồ Ba Giọt	(3.150.000.000)	(3.150.000.000)	(3.150.000.000)
2	Công ty CP Đầu tư Năng lượng Đồng Nai	0	0	(385.603.463)
3	Công ty TNHH Du lịch Sinh Thái Thác Ba Giọt	0	(360.185.649)	(837.521.158)
4	Công ty CP Đầu tư Phát triển Năng lượng Thanh Sơn	0	0	(1.236.976.787)
5	Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS	0	0	(9.265.543)
IV	TỔNG CỘNG (I+II+III)	857.330.510.000	759.646.425.131	1.437.420.736.980

13. Tài sản cố định

Bảng 1: Giá trị TSCĐ chủ yếu của Công ty tại thời điểm 30/06/2025

Đơn vị tính: đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	2.875.320.930.473	(205.925.113.707)	2.669.395.816.766
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.681.367.921.346	(89.058.775.123)	1.592.309.146.223
2	Máy móc thiết bị	1.114.088.443.947	(106.859.742.711)	1.007.228.701.236
3	Phương tiện vận tải	79.436.965.180	(9.756.501.551)	69.680.463.629
4	TSCĐ dùng trong quản lý	305.600.000	(172.380.030)	133.219.970
5	TSCĐ hữu hình khác	122.000.000	(77.414.292)	44.285.708
II	TSCĐ vô hình	19.217.133.493	(31.292.440)	19.185.838.053
1	TSCĐ vô hình - Quyền sử dụng đất	6.354.707.493	0	6.354.707.493
2	Giấy phép hoạt động và quyền nhượng	12.862.426.000	(31.292.440)	12.831.130.560

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty Cổ phần ANI

14. Các dự án của Công ty

Công ty cổ phần ANI định hướng trở thành công ty đầu tư, trong đó tập trung các nguồn lực đối với các Dự án thuộc lĩnh vực cốt lõi; Đảm bảo triển khai đúng tiến độ các dự án và kiện toàn bộ máy hoạt động của Công ty để luôn bảo đảm hiệu quả đầu tư tối đa của cổ đông công ty, xây dựng thương hiệu mới bằng uy tín với các đối tác cũng như chất lượng sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng.

Xây dựng mô hình phát triển Công ty nhằm tối ưu lợi ích cho cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Nhà nước, đối tác, người lao động và cộng đồng xã hội. Danh sách các dự án đã thực hiện như sau:

- Dự án thủy điện Phú Tân 2 hoàn thành và đi vào vận hành thương mại từ Quý III/2023, mang lại nguồn doanh thu thường xuyên và tương đối lớn cho Công ty.
- Dự án điện mặt trời áp mái của Công ty TNHH TMDV Phú Vinh và Công ty TNHH TMDV Đầu tư Phú Cường phát điện ổn định.
- Dự án Khu du lịch sinh thái Thác Ba Giọt tại huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai: Hoàn thành công tác xây dựng, đưa dự án vào khai thác giai đoạn 2 từ Quý III/2023.
- Dự án Chung cư Phú Mỹ tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Hoàn tất công tác bàn giao cho khách hàng, công tác quản lý vận hành cho Ban quản trị chung cư vào tháng 03/2023.
- Dự án chung cư Osimi Tower tại Phường 15, Quận Gò Vấp: Hoàn tất công tác bàn giao cho khách hàng, công tác quản lý vận hành cho Ban quản trị chung cư vào năm 2020.
- Dự án văn phòng làm việc và căn hộ cao cấp Sông Đà đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng năm 2010.

- Dự án Khu dân cư Hiệp Bình Chánh tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh: Chưa giải quyết dứt điểm với đơn vị liên kết (Công ty K&N) để cấp sổ đỏ cho 128 hộ dân.
- Dự án Thủy điện Phú Tân 1 đã được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư vào cuối tháng 12/2024.

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2025

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024		Kế hoạch năm 2025		% tăng giảm so với năm 2024
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	
Doanh thu thuần	Triệu đồng	25.340	545.479	11.235	589.094	10,28
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	87.804	204.970	144.644	193.672	64,73
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	100	37,58	100	32,88	
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	19,02	28,58	18,12	22,85	
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	5		10		

Căn cứ để đạt lợi nhuận và cổ tức

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng và mở rộng sản xuất kinh doanh với tổng doanh thu thuần năm 2024 tại Công ty mẹ là: 25.340 triệu đồng, tại Công ty hợp nhất là: 545.479 triệu đồng, tổng doanh thu thuần năm 2025 tại Công ty mẹ dự kiến là 11.235 triệu đồng, tại Công ty hợp nhất năm 2025 dự kiến là: 589.094 triệu đồng.
- Cấu trúc tổng thể tình hình tài chính của đơn vị cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, đảm bảo đủ vốn để duy trì hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.

16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của công ty: Không có

17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh:

- Tiếp tục với mục tiêu trở thành công ty đầu tư, trong đó tập trung các nguồn lực đối với các Dự án thuộc lĩnh vực cốt lõi; Đảm bảo triển khai đúng tiến độ các dự án và kiện toàn bộ máy hoạt động của Công ty để luôn bảo đảm hiệu quả đầu tư tối đa của cổ đông công ty; Xây dựng thương hiệu mới bằng uy tín với các đối tác cũng như chất lượng sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng.
- Xây dựng mô hình phát triển Công ty nhằm tối ưu lợi ích cho cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Nhà nước, đối tác, người lao động và cộng đồng xã hội.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phần phát hành: Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

Bảng 1. danh sách hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thành viên điều hành/ Không điều hành
1	Ông Bùi Văn Hùng	Chủ tịch	Thành viên không điều hành
2	Ông Đặng Tất Thành	Thành viên	Thành viên điều hành - chức vụ: Tổng Giám đốc
3	Bà Trịnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	Thành viên điều hành - chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

1.1 Chủ tịch HĐQT

Họ và tên:	BÙI VĂN HÙNG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	15/07/1964
Nơi sinh:	Tam Hải, Núi Thành, Quảng Nam
CCCD:	049064028597
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tam Hải, Núi Thành, Quảng Nam
Địa chỉ thường trú:	Phuong Tân Lợi, T.P Muôn Mê Thuật, tỉnh Đắk Lắk
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Thủy điện
Quá trình công tác:	<p>- Từ năm 1987 - 1994: Kỹ sư Thiết kế công tác tại Công ty Khảo sát Thiết kế Thủy lợi - Thủy điện tỉnh Đắk Lắk; Chủ nhiệm thiết kế các công trình: Hồ chứa nước Ea Quang, Hồ chứa nước Việt- Đức tỉnh Đắk Lắk; Trưởng ban QLDA công trình thủy điện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk</p> <p>- Từ năm 1994 - 2007: Phó Giám đốc Công ty Xây dựng Mê Kông Đắk Lắk; Chủ nhiệm thiết kế các công trình thủy điện: Đắk N'Teng (Đắk Nông), Nhân Cơ (Đắk Nông) Sông Riêng (Quảng Ngãi), Ea Đrăng (Đắk Lắk); Chỉ huy trưởng công trình thủy điện Krông Hin (Đắk Lắk)</p> <p>- Từ năm 2007 - 2016: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần điện Tam Long – Chủ đầu tư nhà máy Thủy điện Hòa Phú công suất 29 MW.</p> <p>- Từ năm 2016 - nay: Giám đốc Công ty TNHH Năng Lượng Ban Mê.</p>
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Công ty TNHH Năng Lượng Ban Mê
Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 14/04/2025):	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng:	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng:	Thù lao của HĐQT
Lợi ích liên quan với lợi ích Công ty đại chúng:	Không
<p>Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng cổ sở phần của Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần 	

1.2. Thành viên HĐQT

Họ và tên:	ĐẶNG TẮT THÀNH
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08/04/1986
CCCD:	033086002262 Ngày cấp: 17/06/2024; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hưng Yên
Địa chỉ thường trú:	Khu 6, Ấp Suối Soong 1, xã Phú Vinh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai
<p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 01/2010 - 10/2012: Cán bộ tín dụng - Viettinbank Chi nhánh Đồng Đa. - Từ tháng 10/2010 - 02/2013: Phó Giám đốc tài chính - CTCP Vctel Việt Nam - Từ tháng 02/2013 - 07/2016: Giám đốc điều hành - CTCP Vctel Việt Nam - Từ tháng 01/2016 - 07/2016: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần ANI - Từ tháng 08/2016 đến nay : Tổng giám đốc - Công ty cổ phần ANI 	
Chức vụ công tác hiện nay:	Tổng Giám đốc Công ty
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty cổ phần ANI Biên Hòa - Công ty cổ phần Sông Đà 505 - Công ty cổ phần EHULA - Công ty TNHH một thành viên ANI SH - Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sơn Hải Lai Châu - Công ty TNHH TMDV Phú Vinh - Công ty TNHH TMDV đầu tư Phú Cường - Công ty cổ phần năng lượng mặt trời Á Đông - Công ty cổ phần đầu tư năng lượng Đồng Nai

	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty cổ phần đầu tư phát triển năng lượng Thanh Sơn - Công ty TNHH Đông Hồ Ba Giọt - Công ty cổ phần thủy điện Đambri 1 - Công ty cổ phần Dịch vụ Đầu tư IDS
Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 14/04/2025):	0 cổ phiếu
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng:	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng:	Thù lao của HĐQT
Lợi ích liên quan với lợi ích Công ty đại chúng:	Không
<p>Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: 278.125 cổ phần, chiếm 1,159% tổng cổ sở phần của Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần - Sở hữu của người có liên quan: 278.125 cổ phần, chiếm 1,159% tổng cổ sở phần của Công ty, trong đó: Ông Đặng Quang Đạt - mối quan hệ: Cha; SLCP nắm giữ: 278.125 cổ phần, chiếm 1,159% tổng số cổ phần của Công ty 	

1.3. Thành viên HĐQT

Họ và tên:	TRỊNH THỊ MỸ HẠNH
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	11/12/1981
Nơi sinh:	Hòa Bình
CCCD:	017181000280
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hòa Bình
Địa chỉ thường trú:	CH 1.02 Lô B, CC 688/57/42, Lê Đức Thọ, Phường 15, Quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc ở cơ quan:	
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
<p>Quá trình công tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 10/2004 - 05/2008: Nhân viên kế toán tại Phòng Kế toán Công ty CP Thủy điện Cần Đơn. - Từ 05/2008 - 06/2015: Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Sông Đà - Từ 03/2016 - 04/2018: Kế toán Trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Sông Đà 	

- Từ tháng 5/2018 đến nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần ANI	
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	- Công ty TNHH MTV MYA - Công ty TNHH Năng lượng xanh Thiên Phú
Số cổ phiếu nắm giữ (tại thời điểm 14/04/2025):	0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng:	Không
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng:	Thù lao của HĐQT
Lợi ích liên quan với lợi ích Công ty đại chúng:	Không
Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng cổ sở phần của Công ty. - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần	

2. Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thùy Dương	Trưởng ban
2	Ông Lại Thế Hiển	Thành viên
3	Ông Lê Đức Tâm	Thành viên

3. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị: Không có

4. Tổng giám đốc và người quản lý khác

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đặng Tất Thành	Tổng giám đốc
2	Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Kế toán trưởng

5. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty: Không có

6. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Stt	Họ tên	TK GD CK (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CCCD/ Hộ chiếu	SL cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ	Ghi chú
1	Bùi Văn Hùng		CT HĐQT		0	0%	
	Trần Thị Kim Xuyên						
	Bùi Phương Thảo						
	Bùi Quỳnh Giao						
	Bùi Anh Tú						

Stt	Họ tên	TK GD CK (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CCCD/ Hộ chiếu	SL cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ	Ghi chú
3	Đặng Tất Thành		TV HĐQT + TGD		0	0%	
	Đặng Quang Đạt				278.125	1,159%	
	Nguyễn Thị Hương						
	Đặng Minh Huệ						
	Đinh Thị Thanh Bình						
	Đặng Nhật Minh						
	Đặng Thành Nam						
	Đặng An An						
3	Trịnh Thị Mỹ Hạnh		TV HĐQT + P.TGD		0	0%	
	Phạm Hoàng Phương						
	Phạm Hạnh Dung						
	Phạm Phương Linh						
	Trịnh Anh Túc						
	Phạm Ngân Tuyển						
	Trịnh Thị Thanh Hương						
4	Nguyễn Thị Hải Yến		Kế toán trưởng		0	0%	
	Phùng Thị Bình						
	Nguyễn Văn Hiếu						
	Trần Tiến Vượng						
	Trần Phúc Hưng						
	Trần Nguyễn Bảo Hân						
5	Nguyễn Thùy Dương		Trưởng BKS		0	0%	
	Nguyễn Quốc Dự						
	Nguyễn Thị Hôi						
	Nguyễn Ngọc Hà						
	Lê Tuấn Anh				46.376	0.193%	
	Lê Việt Hưng						
	Lê Thịnh Giang						
6	Lê Đức Tâm		Thành viên BKS		0	0%	
	Nguyễn Thị Thò						
	Lê Đức Chính						
	Lê Đức Hiếu						
	Trần Thị Luyện						
	Lê Ngọc Trà My						
7	Lại Thế Hiển		Thành viên BKS		0	0%	
	Trịnh Thị Hoa						
	Lại Minh Vương						
	Lại Quang Miện						
	Nguyễn Thị Quỳnh Thi						
	Lại Trung Anh						
	Lại Quỳnh Anh						

7. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định:

7.1 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

7.2 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

7.3 Các bên liên quan

7.3.1 Môi quan hệ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Anza	Công ty mẹ
Ông Đặng Quang Đạt	Cổ đông lớn Công ty Cổ phần ANZA
Ông Đặng Tất Thành	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Bà Trịnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Thanh Bình	Người có liên quan đến Tổng Giám đốc/ TV HĐQT
Công ty CP Sông Đà 505	Công ty có liên quan đến Tổng Giám đốc/ TV HĐQT
Công ty CP Xây dựng S55	Công ty có liên quan đến Ông Đặng Quang Đạt
Công ty CP Đầu tư Anzen	Công ty có liên quan đến Ông Đặng Quang Đạt
Công ty TNHH MTV ANI S&H	Công ty có liên quan đến Tổng giám đốc/ TV HĐQT
Công ty CP Thủy điện Sông Ông	Công ty có liên quan đến Ông Đặng Quang Đạt
Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS	Công ty liên kết

7.3.2 Giao dịch các bên liên quan:

Đơn vị tính: đồng

Bên liên quan	Giao dịch	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
Ông Đặng Quang Đạt	Vay nợ	225.348.000.000	98.000.000.000	41.024.960.983
	Trả nợ vay	132.419.000.000	86.428.810.654	140.369.272.634
	Lãi vay phải trả	3.561.998.284	3.886.685.806	835.516.295
	Mượn tiền	34.200.000.000	0	0
	Hoàn trả tiền mượn	30.700.000.000	0	0
	Chi trả cổ tức	0	317.675.000	0
	Nhận tiền góp vốn	0	3.176.750.000	0
Bà Trịnh Thị Mỹ Hạnh	Tạm ứng	4.187.000.000	0	9.071.464.186
	Hoàn ứng	4.143.107.218	300.000.000	8.571.464.186
Bà Đinh Thị Thanh Bình	Vay nợ	404.557.979.273	182.179.989.366	136.243.950.000
	Trả nợ vay	201.365.780.000	514.960.119.407	98.811.307.200
	Lãi vay phải trả	7.829.087.638	6.279.089.377	928.165.479

Bên liên quan	Giao dịch	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
	Mượn tiền và hoàn trả tiền mượn	84.800.534.995	0	0
	Tạm ứng	56.632.251.000	160.684.914.274	5.035.000.000
	Hoàn ứng	34.122.243.606	181.687.959.488	903.141.609
Ông Đặng Tất Thành	Vay nợ	0	0	390.280.000.000
	Đặt cọc Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	0	0	390.280.000.000
	Lãi vay phải trả	0	0	1.475.579.178
Công ty CP Sông Đà 505	Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	465.275.173	0	0
	Vay và trả nợ vay	0	29.431.517.407	42.000.000.000
	Lãi vay	0	205.470.266	10.454.795
	Chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH MTV Ani SH	646.000.000	0	0
	Mua dịch vụ	2.388.887.334	0	0
	Cho vay	44.470.000.000	8.157.861.045	14.600.000.000
	Thu hồi tiền gốc cho vay	46.954.517.407	7.194.082.593	14.600.000.000
	Lãi cho vay	349.614.211	38.405.488	48.760.000
	Cổ tức	8.493.200.000	5.245.800.000	0
Công ty CP Xây dựng S55	Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	110.212.639.102	20.097.815.440	0
	Mua hàng hóa và dịch vụ	381.002.116.405	278.061.617.830	3.167.123.780
	Lãi vay	22.696.581.655	580.832.877	696.230.137
Công ty TNHH MTV Ani SH	Mua hàng hóa và dịch vụ	7.555.870.891	13.286.642.763	6.026.052.986
	Cung cấp dịch vụ	55.555.556	479.154.601	175.665.556
Công ty CP Anza	Nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP ANI POWER	0	69.076.490.000	0
	Vay	193.000.000.000	0	0
	Trả tiền vay	16.669.821.649	47.773.012.989	34.000.000.000

Bên liên quan	Giao dịch	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
	Chi phí lãi vay	12.033.630.013	13.928.731.501	5.309.849.066
	Chi phí lãi vay đã trả	9.204.617.617	10.831.987.011	0
	Cổ tức được chia	0	17.655.793.000	86.400.000
	Nhận nợ khoản vay Bà Đinh Thị Thanh Bình thành khoản góp vốn	0	180.575.860.000	0
Công ty CP Thủy điện Sông Ông	Cho thuê tài sản	32.400.000	0	32.400.000
	Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	74.329.748	0	74.329.748
Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS	Đầu tư vốn		0	1.200.000.000
	Vay		0	2.700.000.000
	Trả tiền vay		0	2.200.000.000
	Chi phí lãi vay		0	11.678.083
	Mua dịch vụ		0	1.396.840.128
	Chi hộ		0	26.848.000
Công ty CP Đầu tư Anzen	Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Thủy điện Sông Ông	0	174.097.000.000	0
	Chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Đầu tư Năng Lượng Đồng Nai	0	27.338.500.000	0
	Cho vay	0	212.355.000.000	0
	Thu hồi tiền cho vay	0	11.155.000.000	200.000.000
	Lãi cho vay	0	6.504.963.218	6.283.982.466
	Cổ tức được chia	0	108.000.000	86.400.000
	Cổ tức nhận được	0	57.600.000	0
	Thuê tài sản	132.121.212	133.333.332	42.652.331

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CAM KẾT CỦA CÔNG TY

1. Người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin công ty đại chúng: Ông Đặng Tất Thành - Tổng Giám đốc

2. Cam kết của công ty:

- Công ty cam kết thông qua bản dự thảo Điều lệ (đính kèm theo hồ sơ) tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

- Công ty cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của thông tin tại Bản công bố thông tin và các tài liệu kèm theo (nếu có).
- Sau khi được xác nhận hoàn tất đăng ký công ty đại chúng, Công ty tuân thủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN ANI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Bùi Văn Hùng

TỔNG GIÁM ĐỐC

A blue handwritten signature of Đặng Tất Thành.

Đặng Tất Thành

KẾ TOÁN TRƯỞNG

A blue handwritten signature of Nguyễn Thị Hải Yến.

Nguyễn Thị Hải Yến